TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: …./2018/QĐST-HNGĐ.	*Châu Thành, ngày 09 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh **Lê Hồng Ph**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 63, đ- ờng ĐBP, khu phố LTT, ph- ờng VQ, thành phố RG, tỉnh KG.

* *Bị đơn:* Chị **Trang Thị H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp HL, xã TL, huyện CT, tỉnh KG.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Hồng Ph và chị Trang Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về con chung: Anh Lê Hồng Ph và chị Trang Thị H tự nguyện xác định là anh, chị có 01 ng- ời con chung là cháu Lê Ngọc Nh- Y, sinh ngày 19/5/2015. Anh Lê Hồng Ph tự nguyện đồng ý để chị Trang Thị H đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Nh- Y cho đến khi cháu Nh- Y tròn 18 tuổi; anh Lê Hồng Ph tự nguyện có nghĩa vụ cấp d- ỡng nuôi cháu Nh- Y với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) mỗi tháng, thời gian cấp d- ỡng nuôi cháu Nh- Y đ- ợc tính kể từ ngày 01/3/2018 d- ơng lịch cho đến khi cháu Nh- Y tròn 18 tuổi; không ai đ- ợc quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các tr- ờng hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của ng- ời đ- ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng- ời đ- ợc thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Hồng Ph và chị Trang Thị H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000đ (Một trăm năm m- ơi ngàn đồng): Anh Lê Hồng Ph tự nguyện nộp;

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 150.000đ (Một trăm năm m- ơi ngàn đồng): Anh Lê Hồng Ph tự nguyện nộp;

Khấu trừ tổng số tiền án phí sơ thẩm anh Lê Hồng Ph tự nguyện nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Lê Hồng Ph đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000948 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Lê Hồng Ph không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *THADS huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;*
- *UBND xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, KG;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hương